

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN THỊ THANH THỦY

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU THUẾ
ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH CÁ THỂ TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM**

**Chuyên ngành: KINH TẾ PHÁT TRIỂN
Mã số: 60.31.05**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng, Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. Ninh Thị Thu Thủy

Phản biện 1: PGS. TS. Nguyễn Trường Sơn.

Phản biện 2: PGS.TS. Phạm Hảo

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp
thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 07 tháng 6 năm
2012

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế là nguồn thu chủ yếu của NS và có vai trò quan trọng trong ổn định phát triển đất nước. Hiện QLT đối mặt với áp lực của nhiệm vụ thu NS cộng với sự gia tăng về số lượng, qui mô NNT, trong khi nguồn lực QLT có hạn. Đây là bài toán đặt ra không chỉ với ngành Thuế mà còn là vấn đề được toàn xã hội quan tâm.

Khu vực HKD có vai trò quan trọng trong tạo việc làm, thu nhập và đóng góp cho NS. Song đây là nguồn thu phức tạp, số lượng HKD rất lớn và không ngừng tăng lên, tình trạng thất thu, nợ đọng thuế phổ biến, nhân lực và chi phí QLT khá lớn.

Hoàn thiện QLT HKD sẽ tạo điều kiện để ngành thuế tập trung nguồn lực cho các nguồn thu lớn, đảm bảo hoàn thành công tác thuế và góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội tại địa phương. Đây là vấn đề cấp thiết và có ý nghĩa thực tiễn. Vì vậy Em chọn đề tài: *“Hoàn thiện công tác quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh Quảng Nam”*.

2. Tổng quan nghiên cứu

Từ năm 2005, khi thực hiện Chiến lược cải cách và HDH hệ thống thuế, các nghiên cứu tập trung tìm giải pháp giảm thấp chi phí QLT và chi phí tuân thủ thuế [18], [21]; Nghiên cứu sự tác động của chính sách thuế đến hiệu lực, hiệu quả QLT [19]. Nghiên cứu QLT gắn với quá trình cải cách, đổi mới nội bộ ngành thuế, sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực đội ngũ CBCC [17], Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin [14]. Nâng cao hiệu quả các chức năng QLT dựa trên sự rủi ro với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin [15], [22], tăng cường tuyên truyền hỗ trợ và giao tiếp thông tin với NNT, tạo điều kiện để NNT nắm vững chính sách thuế để hoạch định kinh doanh, từ đó tăng số thuế đóng góp cho ngân sách [20]; phân tích các yếu tố tác động và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả QLT theo hướng tăng cường sự tuân thủ thuế của DN [12].

Đối với khu vực HKD, có một số nghiên cứu, đưa ra giải pháp chống thất thu về Hộ, về doanh số, chống nợ đọng thuế [22], [23]. Một số nghiên cứu đưa ra giải pháp chống thất thu dựa vào đặc điểm của HKD

như: Chống thất thu về doanh số đối với hộ kê khai; chống thất thu thuế đối với hoạt động ăn uống, khách sạn, nhà trọ, vận tải tư nhân, xây dựng tư nhân, HKD nhiều ngành nghề [24]. Các nghiên cứu này chủ yếu tập trung làm rõ tại sao HKD trốn thuế, những yếu tố tạo điều kiện cho việc trốn thuế từ đó tìm biện pháp chống thất thu; Hoàn thiện cơ chế quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cá thể. Đến nay chưa có nghiên cứu tiếp cận theo các nội dung QLT, khảo sát ý kiến của HKD về nhu cầu được phục vụ về thuế, sự hài lòng đối với cơ quan thuế để đưa ra giải pháp và chưa có nghiên cứu về QLT đối với HKD trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

3. Mục tiêu nghiên cứu

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

5. Nguồn số liệu, công cụ và phương pháp nghiên cứu

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về QLT đối với HKD. Đánh giá thực trạng QLT HKD tại Quảng Nam. Khảo sát ý kiến của HKD tìm ra những bất cập trong QLT. Tìm hiểu kinh nghiệm QLT của các địa phương, các nước rút ra những bài học vận dụng vào thực tiễn. Đề xuất giải pháp hoàn thiện hoạt động QLT phù hợp với đặc thù tỉnh Quảng Nam đến năm 2020.

7. Kết cấu của luận văn: luận văn gồm 03 chương:

Chương 1 - Cơ sở lý luận về quản lý thuế và hộ kinh doanh cá thể.

Chương 2 - Thực trạng công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Chương 3 - Giải pháp hoàn thiện QLT đối với hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

CHƯƠNG 1 : CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH

1.1. TỔNG QUAN VỀ THUẾ VÀ HỘ KINH DOANH CÁ THỂ

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và chức năng của thuế

1.1.1.1. Khái niệm về thuế

Thuế là một khoản nộp bằng tiền mà các thể nhân và pháp nhân có nghĩa vụ bắt buộc phải thực hiện theo luật đối với nhà nước; không mang

tính chất đối khoản, không hoàn trả trực tiếp cho NNT và dùng để trang trải cho các nhu cầu chi tiêu công cộng.

1.1.1.2. Đặc điểm của thuế

1.1.1.3. Chức năng của thuế

1.1.2. Khái niệm, vai trò và đặc điểm của hộ kinh doanh cá thể

1.1.2.1. Khái niệm hộ kinh doanh cá thể

HKD là tất cả các hộ SXKD chưa đủ điều kiện thành lập DN hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, xây dựng, vận tải, khai thác tài nguyên, nuôi trồng thủy sản, kinh doanh thương nghiệp, ăn uống, phục vụ sửa chữa và các dịch vụ khác có doanh số bán hàng theo qui định của BTC đối với từng ngành nghề cụ thể [5,36].

1.1.2.2. Vai trò của hộ kinh doanh cá thể

1.1.2.3. Đặc điểm của hộ kinh doanh cá thể

1.1.3. Các chính sách thuế chủ yếu áp dụng đối với HKD

1.1.3.1. Thuế Môn bài

1.1.3.2. Thuế Giá trị gia tăng

1.1.3.3. Thuế thu nhập cá nhân

1.2. QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH CÁ THỂ

1.2.1. Khái niệm, mục tiêu quản lý thuế

1.2.1.1. Khái niệm quản lý thuế

Theo Luật Quản lý thuế có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2007 được Quốc hội Khoá XI, Kỳ họp thứ 10 thông qua: Quản lý thuế là hoạt động tổ chức, điều hành và giám sát của cơ quan thuế nhằm đảm bảo NNT chấp hành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật [5]. Đây là khái niệm sử dụng trong đề tài.

1.2.1.2. Mục tiêu quản lý thuế

1.2.2. Các nội dung quản lý thuế đối với HKD

Quản lý thuế nói chung và QLT đối với HKD đều phải thực hiện theo các nội dung qui định trong Luật Quản lý thuế. Có 8 nội dung QLT, phân thành 3 nhóm. Bên cạnh đó còn có các hoạt động hỗ trợ QLT.

1.2.2.1. Quản lý các thủ tục hành chính thuế

1.2.2.2. Giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế

1.2.2.3. Thực hiện các biện pháp chế tài

1.2.2.4. Các hoạt động hỗ trợ quản lý thuế

1.2.3. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả quản lý thuế

1.2.3.1. Kết quả thực hiện dự toán thu thuế

1.2.3.2. Quản lý người nộp thuế, doanh thu, thu nhập chịu thuế

1.2.3.3. Chỉ tiêu số thuế nợ đọng

1.2.3.4. Chỉ tiêu thanh tra, kiểm tra thuế

1.2.3.5. Chỉ tiêu thể hiện sự hài lòng của NNT

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HKD

1.3.1. Chính sách, cơ chế và môi trường quản lý thuế

1.3.2. Các yếu tố thuộc về cơ quan thuế

1.3.3. Các yếu tố thuộc về Hộ kinh doanh

1.4. KINH NGHIỆM QUẢN LÝ THUẾ

1.4.1. Kinh nghiệm của các địa phương trong nước và một số quốc gia

1.4.1.1. Kinh nghiệm của một số địa phương trong nước

(1) CCT thành phố Vinh nâng cao hiệu quả QLT đối với HKD nhờ tăng cường công tác phối hợp với địa phương, các ngành. (2) CCT thị xã Chí Linh coi trọng công tác kiểm tra chống thất thu và chống nợ đọng thuế. (3) Cục Thuế Khánh Hoà chống thất thu thuế với giải pháp “Người kinh doanh tham gia chống thất thu”.

1.4.1.2. Kinh nghiệm quản lý thuế của một số quốc gia

(1) Cơ quan thuế Anh tập trung cải thiện quản lý nợ thuế, bằng cách tạo ra nhiều phương thức thanh toán khác nhau, chia nhỏ khoản thuế phải nộp từng kỳ. (2) Kinh nghiệm của Nhật Bản về việc phối hợp với các tổ chức dịch vụ thuế. (3) Australia thông qua chiến lược quản lý tối đa hoá sự tuân thủ tự nguyện.

1.4.2. Những bài học kinh nghiệm về QLT đối với HKD

Thứ nhất: Cơ quan thuế cần chủ động tạo dựng các mối quan hệ và tranh thủ sự hỗ trợ của các ngành, địa phương khi triển khai công tác thuế tại địa bàn.

Thứ hai: Xây dựng chiến lược QLT khác nhau đối với từng nhóm HKD ở các mức độ tuân thủ thuế đảm bảo số thu NSNN và giảm gánh nặng cho cơ quan thuế.

Thứ ba: Hoàn thiện cơ sở pháp lý tạo điều kiện QLT hiệu lực, hiệu quả.

Thứ tư: Kien toàn bộ máy theo chức năng, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong QLT.

Thứ năm: Nâng cao hiệu quả của ba công tác mang tính quyết định trong QLT là: tuyên truyền hỗ trợ, thanh tra, kiểm tra và chống nợ đọng thuế.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HKD TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI QUẢNG NAM

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

2.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội

2.1.3. Khái quát về hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn Tỉnh Quảng Nam

- Số lượng nhiều và không ngừng tăng, 3-4%/năm, qui mô nhỏ, bình quân doanh thu, mức thuế thấp. Đa dạng về lĩnh vực ngành nghề. Thương mại 48,8%, dịch vụ 25,1%, vận tải 10,3%, sản xuất và xây dựng 15,8%.

- Tập trung chủ yếu ở đô thị, các chợ, trục đường giao thông chính. Nông thôn HKD ít, phân tán, có nơi số thuế thấp hơn chi phí QLT. Khảo sát có 11% HKD sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ thuế; 32% chấp nhận nộp thuế, 53% miễn cưỡng chấp hành, 6% từ chối tuân thủ.

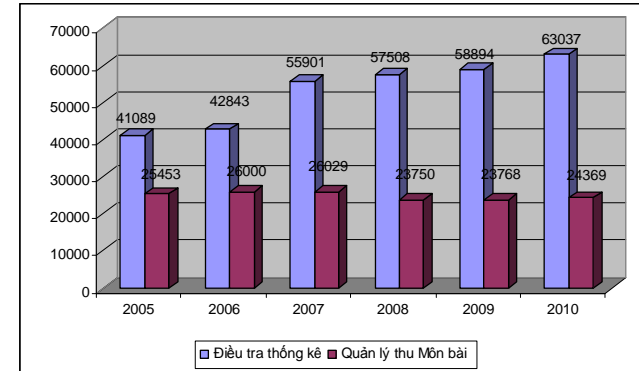
- Xu hướng phát triển: HKD tiếp tục tồn tại và phát triển là thành phần không thể thiếu của nền kinh tế. Vấn đề: Mở rộng số lượng HKD có thể tăng nguồn thu song áp lực lớn về nhân lực và chi phí QLT.

2.2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM GIAI ĐOẠN 2005 – 2011

2.2.1. Thực trạng quản lý các thủ tục hành chính thuế

2.2.1.1. Đăng ký thuế

Số HKD đăng ký thuế, được cấp MST ít hơn nhiều so với số hộ điều tra thống kê (năm 2010: 38,7%). Thất thu về số hộ còn khá lớn và phổ biến.



Biểu đồ 2.6- Tình hình đăng ký thuế của HKD tại Quảng Nam, 2005 - 2010

Nguồn số liệu từ Niên giám thống kê và số liệu của Cục Thuế năm 2005 – 2010

- Quản lý thu thuế Môn bài: 23.768 HKD, 37,7% thống kê. Quản lý thu thuế hàng tháng: 11.502 hộ, chiếm 48,4% số hộ Môn bài. Nhiều HKD vi phạm do thiếu hiểu biết nhưng cũng không ít HKD cố tình không chấp hành. Việc cấp ĐKKD tách rời với ĐKT làm quản lý HKD không chặt chẽ, tốn thời gian, chi phí. Sự phối hợp của chính quyền, các ngành chưa tích cực. Đội thuế không quản lý hết còn để thất thu về hộ, vẫn còn tình trạng để ngoài bộ, bộ phụ.

2.2.1.2. Quản lý kê khai, ấn định thuế

(1) *Quản lý kê khai thuế đối với HKD thực hiện SSKT nộp thuế theo phương pháp kê khai:* số hộ kê khai ngày càng giảm (năm 2007 có 877 hộ đến năm 2009 còn 519 hộ và hiện nay trong tổng số 11,488 hộ nộp thuế, chỉ có 321 hộ kê khai, 2,8%). Tuy ít nhưng đây là những hộ lớn có khả năng chi phối, tác động đến những HKD khác, (năm 2011, hộ kê khai nộp 8,1 tỉ đồng, chiếm 84,7% số thuế của cả khu vực HKD).

Thất thu thuế tập trung ở nhóm hộ kê khai. Việc kiểm soát khó khăn, HKD thường có 02 hệ thống sổ để đối phó, kê khai doanh số thấp, bán hàng không lập hoá đơn; ghi hoá đơn thấp hơn giá bán... Hầu hết giao dịch dùng tiền mặt, đầu vào, đầu ra không có hoá đơn. Có trường hợp cán bộ thuế ngầm thoả thuận với HKD về mức thuế kê khai, về hình thức là hộ kê khai nhưng thực chất là khoán thuế nhưng không công khai, minh bạch.

(2) Ấn định thuế đối với hộ thuế khoán:

Hộ khoán thuế được lập bộ với mức thuế ổn định cả năm. Mức thuế được xác định trên cơ sở kê khai của HKD. Trong thực tế, Đội thuế phải điều tra điển hình để làm căn cứ khoán thuế. Khoán thuế theo cách ấn định bình quân, áp đặt không thuyết phục. Việc điều tra doanh thu mất nhiều thời gian công sức, phổ biến tình trạng thương lượng mức thuế, hợp thức thủ tục pháp lý. Khảo sát HKD có 24% cho rằng mức thuế phù hợp, 55% cho là cao nhưng chấp nhận được và 21% phản ánh quá cao. Cần chú ý điều chỉnh mức thuế ấn định phù hợp.

Bảng 2.8- Bình quân doanh thu, mức thuế của HKD năm 2011

DVT: 1000 đồng

Ngành nghề	Hộ ấn định			Hộ kê khai		
	Số hộ	Doanh thu	Thuế	Số hộ	Doanh thu	Thuế
Sản xuất	1770	19706.8	297.8	41	64731.7	1114.2
Xây dựng	6	12666.7	319.3	1	140000.0	4200.0
Vận tải	1172	11541.0	218.4	10	53100.0	651.5
Thương nghiệp	5408	57177.5	331.6	193	136989.6	966.7
Dịch vụ	2811	12115.6	304.7	68	53558.8	1169.6

Số liệu của Cục Thuế tỉnh Quảng Nam năm 2011

Qui định về ấn định thuế đối với HKD còn bất cập. Chính sách thuế còn phức tạp: nhiều phương pháp tính thuế GTGT, nhiều mức tỉ lệ GTGT, TNCN (07 mức tỉ lệ GTGT và 09 mức tỉ lệ TNCN), qui định về tính thuế TNCN, giảm trừ gia cảnh; miễn giảm... khó tính toán. Số thuế chưa tương xứng với quy mô kinh doanh.

2.2.1.3. Quản lý việc nộp thuế

Tổ chức thu nộp thuế đối với HKD thay đổi nhiều lần. Trước đây, theo cơ chế chuyên quản cán bộ thuế trực tiếp thu thuế, tiếp theo HKD tự nộp thuế qua Kho bạc. Từ năm 2005, triển khai Đề án UNT. Năm 2010, Cục Thuế UNT 20.362 hộ; tổng số thuế UNT là 46,1 tỷ đồng, cán bộ UNT là 227 người, kinh phí UNT là 2,93 tỷ đồng, tương đương 5,63% số thuế thu được. Tiếp tục cải cách, năm 2011 thu thuế qua ngân hàng. Qua nhiều lần thay đổi, mất thời gian, nhân lực, kinh phí triển khai, mất ổn định tổ chức bộ máy, thay đổi thói quen nộp thuế làm phiền hà đến nhân dân. Thu thuế qua ngân hàng còn nhiều trở ngại. HKD có số lượng đông, quy định nộp thuế vào những ngày cuối tháng dẫn đến ùn tắc, 55% phần nản việc nộp thuế phiền hà; 55,3% chọn nộp trực tiếp cho CB, 31,8% chọn nộp qua ngân hàng 12,5% chọn nộp qua thẻ, tài khoản.

Theo dõi các khoản thuế phải nộp, đã nộp, thời hạn nộp thuế... đã được ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối Kho Bạc, ngân hàng song còn hay trục trặc, chưa triển khai được đến Đội thuế, cán bộ thiếu chủ động khai thác, một số khâu còn làm thủ công mất nhiều thời gian, không rõ ràng, minh bạch.

Giải quyết miễn, giảm, xoá nợ tiền thuế, tiền phạt: Đây là mảng dễ sai sót, tiêu cực; Hồ sơ thủ tục miễn giảm thuế chưa chặt chẽ, chưa đủ cơ sở pháp lý.

2.2.2. Thực trạng giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế

2.2.2.1. Quản lý thông tin về HKD

Các thông tin cơ bản về HKD được tập hợp và quản lý từ khi hộ mới ra kinh doanh. Ngành thuế có các ứng dụng quản lý thuế HKD nhằm đáp ứng quản lý và xử lý dữ liệu về thuế của hộ cá thể và ứng dụng trao đổi số thu Kho bạc - Thuế nhằm hỗ trợ cơ quan Thuế. Hiện nay, quản lý thông tin về HKD còn thiếu nội dung theo dõi quá trình điều chỉnh mức thuế, quá trình chấp hành chính sách thuế, các vi phạm của HKD trong suốt quá trình hoạt động, tình hình nợ thuế của HKD để cơ quan thuế có thông tin phân loại HKD theo nhóm hộ với các mức độ tuân thủ thuế khác nhau từ đó đề ra biện pháp quản lý thích hợp đối với từng nhóm để đạt được hiệu quả quản lý thuế cao hơn.

2.2.2.2. Kiểm tra thuế đối với HKD

Trong QLT, thường xuyên có những HKD không chấp hành việc kê khai, nộp thuế, tình trạng thất thu thuế còn khá phổ biến... Để quản lý được các HKD này, đòi hỏi kiểm tra thường xuyên, liên tục của cơ quan thuế, gồm: Kiểm tra miễn giảm thuế theo đơn xin nghỉ kinh doanh; Giám sát việc kê khai doanh thu của các HKD; Đơn đốc, xử lý các hộ không chấp hành việc kê khai, nộp thuế và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của HKD. Kiểm tra theo xác xuất. Nếu phát hiện HKD vi phạm, xử phạt về hành vi trốn thuế. Chi cục chỉ có một đội Kiểm tra, số lượng cán bộ hạn chế nên việc kiểm tra HKD rất ít. Tỷ lệ hộ được kiểm tra trên tổng số HKD tại địa bàn còn thấp, khoảng 5-6%.

HKD là lĩnh vực QLT cực kỳ nhạy cảm, tác động đến đại bộ phận nhân dân, lĩnh vực dễ xảy ra khiếu nại, khiếu kiện đông người. Đơn thư khiếu nại của HKD chủ yếu là thắc mắc về mức thuế, ít trường hợp và phản ánh các hành vi sai trái, tiêu cực của cán bộ thuế. Thất thu thuế ở một số ngành nghề đặc thù, như: xây dựng tư nhân, vận tải tư nhân, bán xe gắn máy, đồ điện tử, điện lạnh ăn uống, khách sạn, nhà nghỉ, cho thuê nhà, thuê mặt bằng còn khá lớn và phổ biến..

2.2.3. Tình hình quản lý thu nợ thuế

Nợ thuế của HKD diễn biến phức tạp, số hộ nợ thuế, số thuế nợ không ngừng tăng. Đến cuối năm 2011, số thuế nợ là 16,32 tỉ đồng, 23,6% tổng thu từ HKD (trong đó 50% là nợ khó thu). Nợ thuế làm ảnh hưởng đến nguồn thu của địa phương và toàn tỉnh. Khảo sát có 16,3% HKD chưa từng nộp thuế, 72% đã từng nộp tiền thuế một vài lần. Đặc biệt có 11,3% HKD thường xuyên nợ thuế. CCT đã triển khai các biện pháp thu nợ thuế nhưng tình trạng này chưa được cải thiện. Vấn đề cốt lõi nhất vẫn là ý thức của HKD trong việc nộp thuế và sự phối hợp của các cơ quan chức năng trong việc tuyên truyền xử lý nợ thuế.

2.2.4. Thực trạng công tác hỗ trợ quản lý thuế

2.2.4.1. Lập dự toán thu thuế và kết quả thực hiện dự toán

(1) Việc lập dự toán thu thuế giúp Đội thuế, Chi cục Thuế xác định được mục tiêu thu thuế, huy động các nhân lực, kinh phí và tổ chức hoàn thành nhiệm vụ ; còn có tác động chống thất thu về số hộ, số thuế.

Dự toán còn mang tính áp đặt, mới chỉ tập trung vào nghiên cứu các diễn biến kinh tế, phân tích các nhân tố làm tăng giảm nguồn thu nhưng chưa có thông tin về HKD để xác định cơ sở thực tế và tiềm năng của nguồn thu. Dự toán liên tục tăng trong nhiều năm tạo áp lực lớn cho QLT. Bị ảnh hưởng bởi dự toán phân đấu hơn là xuất phát từ thực trạng SXKD.

(2) Kết quả thực hiện dự toán thu thuế khu vực HKD giai đoạn 2005 – 2011

Giai đoạn 2005 – 2011 tỉnh Quảng Nam liên tục hoàn thành dự toán thu từ HKD và có mức tăng trưởng số thu khá cao.

Bảng 2.11 - Kết quả thu thuế từ khu vực HKD, giai đoạn 2005 - 2011

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm	Dự toán	Thực hiện	Tốc độ tăng (%)	So với dự toán (%)	So với tổng thu (%)
2005	49.5	54		104.6	8.5
2006	55.2	60.3	115.3	109.2	8.3
2007	63.3	68.6	113.8	108.4	7.4
2008	79.1	82.8	120.7	104.7	6.7
2009	58.1	59.1	71.4	101.7	3.4
2010	57.7	69.2	117.1	119.9	2.5
2011	65	72.1	112,6	110,8	1.8

Nguồn: Tính toán trên cơ sở số liệu tổng hợp dự toán của Cục Thuế, 2005 – 2011.

Những năm qua số lượng và qui mô của HKD trên địa bàn tỉnh tăng lên, nhưng số thu tăng không lớn; năm 2005 thu được 54 tỉ đồng đến năm 2011 thu từ khu vực này là 72,1 tỉ đồng, tăng 37% so với năm 2005, bình quân mỗi năm tăng xấp xỉ 6% chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế, sự gia tăng số hộ và qui mô kinh doanh tại địa bàn. Tỷ trọng số thu ngày càng giảm, năm 2005, chiếm 8,5% đến năm 2011 chỉ còn 1,8%.

2.2.4.2. Tổ chức bộ máy, quản lý nguồn lực

(1) *Tổ chức bộ máy quản lý thu thuế:* Bộ máy Cục Thuế được tổ chức theo mô hình chức năng, gồm 12 Phòng và 18 Chi cục Thuế. Toàn ngành có 44 Đội thuế xã, phường trực tiếp QLT 23.768 HKD.

Đầu mỗi quản lý của Cục Thuế nhiều. Việc triển khai chủ trương biện pháp thuế khó khăn, khối lượng công việc quản lý, phục vụ lớn, CBCC có năng lực, chuyên môn làm lãnh đạo quản lý ảnh hưởng đến nhân lực QLT.

(2) *Quản lý nguồn nhân lực:* Tổng số CBCC: 776 người. Phân bổ cán bộ chưa cân đối: Cục Thuế thu hơn 70% tổng thu song chỉ chiếm 15,8% CB trong khi các CCT thu 30% nhưng chiếm tới 84,2% CBCC. Đội Thuế xã, phường, chiếm 22,8% CBCC, số thu từ chi chiếm 2,5% [38]. Có 69,2% cán bộ thực hiện các chức năng QLT và 30,8% gián tiếp, phục vụ; tỉ lệ CB ở các chức năng chủ yếu còn thấp.

Về trình độ của CBCC thuế: Đại học (59,8%), Trung cấp (30,3%), sơ cấp, lái xe, bảo vệ, tạp vụ (9,9%). CB ở các Đội thuế có độ tuổi lớn, trình độ chuyên môn thấp hơn so với mặt bằng chung (30,5% Đại học, 65% trung cấp và 4,5% sơ cấp), không theo kịp yêu cầu cải cách về HĐH QLT.

(3) *Thực trạng công tác kiểm tra nội bộ:* Ở mảng QLT đối với HKD, công tác kiểm tra nội bộ đã được các Chi cục Thuế thực hiện và đạt được một số kết quả. Tuy nhiên, công tác này chưa được quan tâm đúng mức, chưa tiến hành kiểm tra thực tế địa bàn về tình hình quản lý hộ, quản lý doanh thu.

2.2.4.3. Thực trạng công tác tuyên truyền hỗ trợ HKD

Tuyên truyền, hỗ trợ HKD thực hiện theo Quyết định số 78/2007/QĐ-BTC. Thời gian qua công tác TTHT đã thông tin chuyển tải kịp thời các chính sách mới, giải đáp vướng mắc. Tuy nhiên, ngành thuế chưa đánh giá được hiệu quả, sự hài lòng của NNT, sự thay đổi trong ý thức chấp hành nghĩa vụ thuế. Công tác tuyên truyền, hỗ trợ đối với HKD chưa được chú trọng. Vẫn còn nhiều HKD thiếu hiểu biết về chính sách thuế. Qua khảo sát có khoảng 30% HKD hiểu biết chính sách thuế, 50% hiểu biết chưa đầy đủ và 20% không xác định được; 66,4% HKD

được hỏi chưa hiểu rõ các khoản thuế phải nộp. Phần lớn HKD biết đến các chính sách thuế từ việc trao đổi học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau (70%). Tuyên truyền, hướng dẫn chính sách thuế còn mang tính đại trà, trùng lặp về cách thức, nội dung nên hiệu quả không cao; chưa có sự phối hợp, hỗ trợ của các ban ngành, địa phương, chưa có các tổ chức làm dịch vụ tư vấn thuế.

2.3. NHỮNG TỒN TẠI TRONG QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HKD

2.3.1. Những tồn tại trong QLT đối với HKD

Một là, chính sách, qui trình và cơ chế quản lý thuế còn bất cập. Trong khi bộ máy QLT đã chuyển đổi mô hình sang quản lý theo chức năng thì ở khu vực HKD QLT vẫn mang tính chất quản lý theo đối tượng. Quy trình QLT còn mang tính chủ quan chưa đi vào thực chất hoạt động của các HKD. Tính thuế chủ yếu là ấn định, cào bằng; các qui định về thuế như còn rườm rà, phức tạp. Việc xử phạt vi phạm thuế của HKD chưa được cụ thể hoá bằng Luật, hiệu lực pháp lý chưa cao, bất lợi cho cơ quan thuế khi có khiếu kiện.

Hai là, tổ chức quản lý thuế còn hạn chế, chi phí QLT lớn. Tổ chức bộ máy QLT còn cồng kềnh, các công việc chồng chéo chuyển giao qua nhiều tầng nấc tốn thời gian, nhân lực nhưng chưa chặt chẽ. Khâu tổ chức thu nộp thuế vẫn còn khá lúng túng, tốn kém nhân lực, chi phí nhưng hiệu quả không cao. Phối hợp của địa phương các ngành chưa chặt chẽ.

Ba là, thất thu thuế còn phổ biến, nợ đọng thuế lớn, kéo dài. Số thuế thu được chưa tương xứng với mức độ kinh doanh, còn thất thu cả về số hộ và doanh thu. QLT một số ngành nghề đặc thù như kinh doanh ăn uống, vận tải, xây dựng tư nhân, cho thuê nhà, thuê mặt bằng vẫn chưa có biện pháp hiệu quả. Tình trạng nợ đọng thuế vẫn còn khá phổ biến, số thuế nợ đọng nhiều, kéo dài.

2.3.2. Nguyên nhân của những tồn tại

Một là, qui định chính sách thuế, tổ chức thu nộp thuế còn phức tạp, hay thay đổi.

Hai là, môi trường quản lý thuế chưa có nhiều điều kiện thuận lợi. Các giải pháp quản lý kinh tế xã hội chưa được cải cách đồng bộ để hỗ

trợ cho công tác QLT. Các cơ quan quản lý Nhà nước còn gây phiền hà cho khu vực HKD. Một số địa phương và cơ quan chưa coi công tác thuế là nhiệm vụ của mình. Tình hình kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn ảnh hưởng đến SXKD, doanh thu, lợi nhuận giảm, nợ đọng thuế tăng.

Ba là, tổ chức bộ máy thực hiện các nội dung QLT còn hạn chế; chưa hiệu quả; chưa cân đối trong bố trí sử dụng CB; hạn chế về số lượng, trình độ, năng lực, phẩm chất của cán bộ thuế. Trong chỉ đạo QLT còn hạn chế, chưa tìm ra biện pháp hữu hiệu để chống thất thu. Xây dựng dự toán thu chưa sát thực tế, áp đặt, hạn chế chủ động của cấp dưới. Kiểm tra thuế còn ít, thiếu chặt chẽ và đồng bộ. Tuyên truyền về thuế còn hình thức, đại trà, chưa phân loại theo mức độ tuân thủ để có biện pháp phù hợp. Ứng dụng CNTT còn ở mức thấp, nhiều công việc vẫn làm thủ công.

Bốn là, HKD có số lượng lớn, trải rộng khắp địa bàn nên công tác QLT gặp nhiều khó khăn, tốn kém kinh phí, nhân lực. .

CHƯƠNG 3 : GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH CÁ THỂ TẠI ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM

3.1. CƠ SỞ THIẾT KẾ GIẢI PHÁP

3.1.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước

3.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Nam

3.1.3. Quan điểm cải cách hiện đại hóa hệ thống thuế

3.1.4. Một số quan điểm có tính nguyên tắc khi xây dựng giải pháp

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HKD

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện quản lý các thủ tục hành chính thuế

3.2.1.1. Thực hiện một cửa liên thông trong cấp GCN ĐKKD và cấp MST.

Hộ khi ra kinh doanh chỉ cần đến bộ phận 01 cửa của UBND huyện, thành phố để được hướng dẫn kê khai ĐKKD đồng thời ĐKT. Hồ sơ ĐKT được bộ phận một cửa chuyển cho cơ quan thuế để cấp MST.

Thông báo MST được chuyển lại bộ phận 01 cửa để trả cho HKD cùng với Giấy chứng nhận ĐKKD. Giải pháp vừa giảm phiền hà, giảm thủ tục cho HKD, rút ngắn thời gian giải quyết rất thuận lợi cho nhân dân; quản lý HKD chặt chẽ hơn, không còn tình trạng chênh lệch giữa sổ hộ ĐKKD và sổ hộ ĐKT. Giảm được đáng kể khối lượng công việc cho cán bộ QLT tại địa bàn.

3.2.1.2. Gắn QLT đối với HKD vào nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương

Phối hợp chặt chẽ với các ngành và UBND xã phường rà soát, nắm số hộ thực tế kinh doanh, hộ mới ra kinh doanh để đôn đốc đăng ký thuế. Giao trách nhiệm cho Thôn trưởng, Khối phố trưởng theo dõi thêm nội dung các hộ gia đình, cá nhân có SXKD, thường xuyên đối chiếu với Danh bạ QLT để quản lý chặt HKD. Ứng dụng CNTT quản lý Danh bạ HKD theo địa bàn, công khai trên Website giúp việc kiểm tra giám sát thuận tiện, minh bạch. Phát huy vai trò của HĐTV thuế trong việc theo dõi tình hình SXKD, tham gia điều tra doanh thu, xác định mức thuế ấn định đối với HKD đảm bảo công bằng, phù hợp.

3.2.2. Giải pháp tăng cường giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế

3.2.2.1. Khai thác tính hữu ích của hệ thống Internet vào QLT đối với HKD

Hiện nay, hệ thống Internet đã trở nên phổ biến. Ngành Thuế nên sử dụng sự thuận tiện này thiết lập một trang Web “HKD”. HKD có thể tiếp cận dễ dàng, thuận tiện với các vấn đề về thuế, thông qua các câu hỏi cụ thể được thiết kế sẵn trên trang Web; giảm đáng kể việc giải đáp, hướng dẫn chính sách thuế. Trang Web được liên kết với dữ liệu QLT. HKD có thể tự theo dõi tình hình nộp thuế của mình và của những hộ KD khác. Việc công khai mức thuế trở nên rõ ràng, minh bạch. Trang Web có tính năng ĐKKD, ĐKT qua mạng, giảm phiền hà cho nhân dân. HKD tự khai thông tin vào hệ thống sẽ giảm công sức cập nhật thông tin. Nộp thuế qua mạng giảm được thời gian và chi phí, giảm khối lượng công việc tổ chức thu nộp thuế của cơ quan thuế, ngân hàng; giảm tiêu cực ở khâu thu nộp thuế. Là nguồn thông tin quan trọng cho quản lý nhà nước và việc điều hành phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3.2.2.2. *Cải tiến cách thức kiểm tra thuế đối với HKD*

Một là, tập trung kiểm tra nhóm HKD có rủi ro về thuế cao. HKD có đối tượng rất đông, với nguồn lực có hạn cơ quan thuế không thể kiểm tra tất cả HKD trên địa bàn được. Cần tập trung kiểm tra nhóm HKD có rủi ro về thuế cao. Phù hợp với xu hướng QLT hiện đại, giảm bớt phiền hà cho những HKD chấp hành tốt, giải quyết khó khăn về nhân lực cho cơ quan thuế, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra thuế.

Hai là, xây dựng hình ảnh cơ quan thuế công bằng, có đủ quyền lực và nguồn lực để theo sát các hành vi của HKD. Cơ quan thuế kiểm tra có trọng điểm với mục tiêu răn đe, giáo dục và gây ảnh hưởng lan truyền, tác động đến tâm lý HKD, dư luận. hướng đến mục tiêu xây dựng hình ảnh cơ quan thuế đủ quyền lực và nguồn lực xử lý các vi phạm về thuế. Cán bộ các Đội Thuế phải bám sát địa bàn nắm chắc qui mô, mức độ hoạt động của HKD theo từng ngành nghề, từng mặt hàng, thời điểm mùa vụ, thường xuyên điều tra, xác minh doanh thu, mức thuế đúng với thực tế, chống thất thu về doanh số, đảm bảo công bằng trong ấn định thuế.

Ba là, huy động các nguồn lực bên ngoài để kiểm tra, giám sát hoạt động của HKD.

Phối hợp với chính quyền địa phương, các ngành kiểm tra hộ nghi kinh doanh, ngăn chặn lợi dụng nghi kinh doanh để trốn thuế. Quy định rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc phối hợp, cung cấp thông tin QLT. Có qui định tiền thưởng đối với những thông tin tốt và biện pháp chế tài đối với các tổ chức cá nhân chấp hành không tốt, gây trở ngại cho công tác thuế.

3.2.3. *Đẩy mạnh các biện pháp chế tài nhằm giảm nợ đọng thuế*

Một là, tăng cường kiểm tra những HKD nợ thuế. Thông tin để HKD biết, nếu để nợ đọng thuế cơ quan thuế sẽ kiểm tra, tác động tâm lý giảm nợ thuế. Đồng thời nắm được đặc điểm của HKD, xác định khả năng thu nợ, đưa ra các biện pháp hiệu quả.

Hai là, xử lý dứt điểm tình trạng nợ thuế gói đầu nhằm hạn chế tác động lan toả của việc HKD để nợ thuế và nâng cao ý thức tuân thủ thuế. Cần đẩy mạnh tuyên truyền, vận động HKD nộp thuế đúng thời hạn; có

các biện pháp quyết liệt hơn để HKD thấy sự phiền toái khi không nộp thuế không đúng hạn.

Ba là, thực hiện giãn nợ thuế, chia nhỏ khoản thuế nợ đối với các HKD nợ đọng thuế kéo dài gập do rủi ro trong kinh doanh, khó khăn trong cuộc sống. Đối với những HKD cố tình chây ì, nộp thuế cần có biện pháp cưỡng chế để thu nợ. Cần phải làm mạnh, cương quyết, làm điềm một vài HKD để răn đe, giáo dục chung.

Bốn là, giao trách nhiệm đôn đốc HKD nợ đọng thuế cho UBND xã, phường trực tiếp là đội ngũ Thôn, Khố phố, gắn thi đua của địa phương. Ngoài các giải pháp về mặt chế tài, cần có giải pháp để kích thích, khơi dậy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm của HKD, gắn kết quả nộp ngân sách với công nhận gia đình văn hoá.

3.2.4. *Nhóm các giải pháp hỗ trợ quản lý thuế*

3.2.4.1. *Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực hiệu quả QLT*

Một là, giảm đầu mối quản lý của cơ quan thuế các cấp. Giảm đầu mối quản lý của cơ quan thuế các cấp, để giảm bớt khối lượng công việc hành chính, giảm cán bộ lãnh đạo, phục vụ. Sát nhập các CCT nhỏ thành các CCT liên huyện sẽ giảm được đáng kể nhân lực và chi phí cho công tác quản lý điều hành, phục vụ; giảm đầu công việc, hạn chế mất cân đối trong cơ cấu cán bộ.

Hai là, xoá bỏ các Đội Thuế xã phường, chuyển dịch cơ cấu cán bộ sang thực hiện các chức năng QLT. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong QLT và gắn trách nhiệm của HĐTV thuế xã phường trong công tác quản lý HKD tại địa bàn. Tập trung cán bộ cho công tác kiểm tra thuế. Đội quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế theo dõi và thực hiện nợ thuế HKD. Các thủ tục về thuế thực hiện tại bộ phận một cửa của UB xã, phường. Cần phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng bộ phận, giảm tối đa chồng chéo, trùng lặp, một việc, một vấn đề chỉ một bộ phận giải quyết, trong một thời gian cụ thể và phải tuân thủ đúng qui trình.

3.2.4.2. *Xây dựng môi trường công tác thuế chuyên nghiệp, lành mạnh*

Một là, xây dựng văn hóa công sở, tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân. Chủ động tạo ra một môi trường làm việc tích cực, khơi gợi CBCC phát huy. Thực hiện nghiêm túc các quy trình quản lý.

Hai là, thường xuyên đào tạo cán bộ, chú trọng đào tạo từ thực tiễn.

Ba là, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008. Xây dựng sổ tay chất lượng, chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng; Xây dựng các Quy trình bắt buộc trong giải quyết công việc.

3.2.4.3. Thay đổi phương thức kiểm tra nội bộ ngành thuế

Kiểm tra về tính hiệu quả của một tổ chức bộ máy, tổ chức công việc xem việc bố trí nhân lực, vận hành, các qui trình công việc đã thực sự phù hợp với thực tiễn chưa từ đó phát hiện hoặc đề xuất những cách làm hay, mới, hiệu quả để nhân rộng trong toàn ngành, kiến nghị điều chỉnh những qui định không hợp lý, những nhân tố làm cho bộ máy ì ạch, công việc không hiệu quả.

Tổ chức kiểm tra theo từng chức năng QLT, xuyên suốt trong nội bộ từ ngành, từ cấp trên xuống cấp dưới đảm bảo các chức năng phải được thực hiện nhịp nhàng, đồng bộ, không chồng chéo, giảm bớt những thao tác thừa, đồng thời đảm bảo tính pháp lý chung cho cả hệ thống.

Đẩy mạnh luân phiên, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ trực tiếp quản lý HKD, không để cán bộ ở quá lâu một vị trí thường xuyên tiếp xúc với HKD, để phát sinh các quan hệ tiêu cực trong công việc đồng thời tạo điều kiện để rèn luyện, đào tạo cán bộ, thay đổi môi trường làm việc mới có cơ hội học tập kinh nghiệm, thể hiện năng lực và phát triển.

3.2.4.4. Cải tiến công tác tuyên truyền hỗ trợ về thuế

Một là, đổi mới công tác tuyên truyền về thuế theo hướng phân nhóm HKD theo mức độ tuân thủ thuế để lựa chọn nội dung và hình thức tuyên truyền phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả và giảm chi phí cho công tác này.

- Đối với nhóm hộ KD chấp hành nghiêm túc nghĩa vụ thuế, không cần tốn nhiều thời gian, nhân lực kiểm tra cưỡng chế thu nợ thuế.

Ngành thuế cần đặc biệt chú trọng đến việc tuyên dương, quảng bá nhằm nâng cao vị trí, danh tiếng và vai trò của HKD trong cộng đồng; động viên, khuyến khích một cách kịp thời HKD chấp hành tốt chính sách thuế. Tạo điều kiện tối đa cho HKD trong việc kê khai, xác định mức thuế phải nộp và thuận lợi nhất trong việc nộp thuế.

- Duy trì sự hợp tác của nhóm HKD này bằng cách xây dựng hình ảnh cơ quan thuế công bằng và có khả năng thuyết phục tạo sự tin tưởng. Thu hút những HKD tích cực tham gia xây dựng các kế hoạch triển khai công tác thuế tại địa bàn. HKD chấp hành tốt là tấm gương điển hình để tuyên truyền, giáo dục HKD khác.

- Đối với nhóm hộ KD ở mức độ “chấp thuận” tuân thủ thuế. Với đặc điểm chấp hành chính sách thuế tương đối tốt, cơ quan thuế cần kết hợp để HKD tự thực hiện nghĩa vụ thuế nhưng cần kiểm tra để đảm bảo HKD chấp hành đầy đủ, kịp thời.

Đối với nhóm hộ này, cơ quan thuế cung cấp đầy đủ và thuận tiện các dịch vụ hỗ trợ về thuế, đề cao các hoạt động tuyên truyền khuyến khích sự tuân thủ tốt làm thay đổi hành vi của HKD theo hướng tích cực. Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục và cung cấp dịch vụ và hỗ trợ để nâng cao trình độ hiểu biết chính sách pháp luật của HKD, nâng cao tính tự giác và trách nhiệm của HKD. Nội dung tuyên truyền cho nhóm này cần tập trung tuyên truyền những quyền lợi và nghĩa vụ của HKD, đề cao những điển hình thực hiện tốt nghĩa vụ thuế của những HKD khác, thông tin đầy đủ về những ưu điểm của QLT trên địa bàn và thông tin đầy đủ về quá trình hoàn thành nghĩa vụ thuế của HKD.

- Đối với nhóm hộ KD ở mức độ “miễn cưỡng” tuân thủ thuế. Tác động vào các yếu tố làm thay đổi hành vi, tăng cường tuyên truyền giáo dục, cung cấp đầy đủ, thuận tiện các dịch vụ để HKD thực hiện nghĩa vụ thuế tập trung kiểm tra và cưỡng chế thu nợ thuế. Nhấn mạnh tuyên truyền các qui định về thanh tra kiểm tra và cưỡng chế thuế, biện pháp xử lý vi phạm pháp luật thuế và hậu quả mà HKD phải gánh chịu nếu không tuân thủ chính sách thuế. Các chương trình hỗ trợ cần trang bị kiến thức về thuế để giảm vi phạm do thiếu hiểu biết.

- *Đối với nhóm hộ KD “tự chối” tuân thủ thuế.* Chú trọng đến các nội dung liên quan các biện pháp xử lý vi phạm và cưỡng chế thuế, nhân mạnh quyền lực của cơ quan thuế và sự phối hợp của chính quyền địa phương, các ngành liên quan trong thanh tra, kiểm tra để phát hiện sai phạm, trốn thuế cũng như thiệt hại mà HKD phải gánh chịu nếu không chấp hành đúng các qui định về thuế. Mặt khác, cung cấp đầy đủ, thuận tiện các dịch vụ tư vấn thuế, tạo điều kiện cho HKD cải thiện sự tuân thủ thuế của mình.

Hai là, bố trí nguồn nhân lực chuyên nghiệp và giỏi nghiệp vụ cho việc cung cấp các dịch vụ ban đầu cho HKD như việc trả lời điện thoại và các cuộc tiếp xúc cá nhân. Chi phí kiểm tra, giám sát sẽ giảm đáng kể nếu HKD nhận thức đúng đắn và tính toán được chính xác số thuế phải nộp. Vì vậy, các quốc gia đều có ý thức bố trí các cán bộ thuế giỏi nhất, chuyên nghiệp nhất để có thể trả lời được các câu hỏi của HKD một cách nhanh chóng và chính xác nhất, đặc biệt là hình thức trả lời qua điện thoại và các hình thức tiếp xúc cá nhân. Chính việc này đã tiết kiệm được rất nhiều chi phí cho các khâu tiếp theo và tiết kiệm được nguồn lực cho QLT.

Ba là, các hình thức hỗ trợ HKD phải đa dạng, phong phú và gần gũi với quần chúng. HKD tiếp cận được với các dịch vụ đó một cách dễ dàng nhất Các ấn phẩm được xuất bản hay các phụ trương trên báo cần được đưa dưới dạng các câu hỏi nhỏ, các tình huống cụ thể thay vì các văn bản pháp luật khô cứng. Việc cung cấp các tài liệu này cũng cần được mở rộng hơn có thể có sẵn ở các bưu điện, các quầy sách báo thay vì để ở các tủ sách miễn phí tại các cơ quan thuế như hiện nay để HKD có thể dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu. Các chương trình truyền hình có thể được phát dưới dạng quảng cáo ngắn, hoặc các trò chơi truyền hình được phát trên các kênh truyền hình có đông lượng khán giả, có thể được phát sóng rải rác trong năm hoặc tập trung vào một thời gian nhất định. Hiệu quả của các chương trình này đã phần nào được kiểm nghiệm qua thực tế trong thời gian qua.

Bốn là, tiếp tục hoàn thiện trang thông tin của TCT trên trang Web với cơ sở dữ liệu đầy đủ, đường truyền tốc độ cao và ổn định, tạo điều

kiện cho mọi người dân có thể tra cứu pháp luật về thuế và trao đổi các thông tin một cách nhanh chóng, thuận tiện.

Năm là, nâng cao trách nhiệm của địa phương, các ngành có liên quan trong công tác tuyên truyền hỗ trợ về thuế. Công tác thu ngân sách phải đặt trong sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, các cấp uỷ, sự chỉ đạo sát sao của hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân các cấp. Các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền các điểm hình tiên tiến chấp hành tốt chính sách của Nhà nước. Hàng tháng công khai kết quả thu nộp ngân sách, số thuế tồn đọng của các HKD trên báo, đài phát thanh truyền hình tỉnh.

Sáu là, mở rộng hoạt động hỗ trợ, dịch vụ cung cấp thông tin, tư vấn thuế. Tạo điều kiện cho các trung tâm dịch vụ cung cấp thông tin và hướng dẫn HKD hiểu rõ chính sách thuế, khuyến khích sử dụng dịch vụ nộp thuế. Giải pháp giúp HKD nắm được đầy đủ quy định về thuế, tiết kiệm thời gian để tìm hiểu, thực hiện các thủ tục thuế; cơ quan thuế giảm công việc tuyên truyền hỗ trợ, giám xử lý các sai sót và hạn chế tiêu cực. Đề thúc đẩy dịch vụ tư vấn thuế phát triển cần đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực của các chuyên gia tư vấn; cải thiện điều kiện cung cấp thông tin cho các tổ chức và các nhà tư vấn.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Tạo môi trường thuận lợi để HKD hoạt động và phát triển

Một là, tạo ra môi trường pháp lý rõ ràng, nhất quán, ổn định phù hợp với thực tiễn hoạt động SXKD của HKD. Cần có quy hoạch, kế hoạch và chiến lược phát triển và chính sách ưu đãi đầu tư cho HKD. Nâng cao trình độ nhận thức, năng lực làm việc và đạo đức của cán bộ công chức, thực hiện nghiêm túc những chủ trương, chính sách của nhà nước về phát triển HKD và QLT đối với khu vực này.

Hai là, chính quyền địa phương và các ngành cần tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ HKD phát triển SXKD. Xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở, đẩy mạnh đô thị hoá, hỗ trợ tín dụng, khuyến khích phát triển HKD ở nông thôn, các làng nghề truyền thống, hỗ trợ đào tạo nghề, nâng cao năng lực quản lý. Xây dựng, duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động

cung cấp thông tin; tổ chức các hiệp hội ngành hàng của HKD, khuyến khích các dịch vụ tư vấn cho HKD.

Ba là, tạo một môi trường xã hội mà mọi người dân có ý thức pháp luật cao. QLT sẽ vô cùng thuận lợi khi được triển khai tại những địa bàn mà người dân có ý thức luật pháp cao. Chính quyền địa phương, các ngành tăng cường tuyên truyền hướng dẫn pháp luật. Giáo dục để nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân, giáo dục pháp luật cho trẻ em ngay từ khi còn ngồi trong ghế nhà trường Thu hút sự tham gia của đông đảo nhân dân vào hoạt động quản lý nhà nước, xã hội, hình thành sự quan tâm và niềm tin đối với pháp luật.

3.3.2. Điều chỉnh đơn giản các qui định về thuế đối với HKD

Một là, đơn giản hơn về phương pháp tính thuế GTGT. Nên qui định chung đối với loại hình HKD thì nộp thuế khoán. Các HKD qui mô lớn, có đủ điều kiện thực hiện SSKT, HĐCT thì chuyển sang hình thức DN, không duy trì loại hình HKD thực hiện SSKT như hiện nay, vừa phức tạp trong qui định, khó khăn trong quản lý và khả năng thất thu lớn.

Hai là, giảm bớt các mức qui định về tỷ lệ GTGT, tỉ lệ TN trên doanh thu. Hiện nay trên cơ sở qui định khung tỷ lệ GTGT, tỉ lệ TNCT trên doanh thu của Bộ Tài chính, các Cục Thuế quy định cụ thể để thực hiện tại địa phương mình dẫn đến không đồng bộ trong cả nước, không công bằng trong huy động nguồn thu từ HKD, có quá nhiều mức tỉ lệ. Nên qui định một tỉ lệ GTGT, tỉ lệ thu nhập chung cho khu vực HKD ở tất cả các loại ngành nghề, chung cho toàn quốc, không qui định khung như hiện nay.

Ba là, đơn giản hơn trong tính thuế thu nhập cá nhân của HKD. Việc tính thuế thu nhập cá nhân HKD phải nộp khá phức tạp. Sau khi điều tra, xác định được doanh thu của HKD, cơ quan thuế căn cứ qui định về tỉ lệ thu nhập trên doanh thu để xác định thu nhập và tính giảm trừ gia cảnh. Tiếp đó căn cứ vào biểu thuế lũy tiến từng phần để tính thuế TNCN. Để đơn giản hoá trong việc tính thuế sau điều tra xác định doanh thu, quy định tỉ lệ huy động về thuế TNCN trên doanh thu.

Bốn là, điều chỉnh qui định về tính thuế đối với doanh số vượt khoán. Hiện nay theo qui định mặc dù hộ khoán ổn định mức thuế phải

nộp hàng tháng nhưng khi hộ sử dụng hoá đơn có doanh thu vượt mức khoán thì phần vượt phải tính nộp thuế. Qui định này không sòng phẳng trong việc tính thuế phải nộp đối với HKD. Mặt khác, làm phát sinh một khối lượng công việc đáng kể cho cán bộ Đội thuế hàng tháng phải kiểm tra doanh số vượt của HKD. Về nguyên tắc đã khoán ổn định thì phải giữ mức thuế này cho đến hết thời hạn ổn định thuế. HKD vượt khoán tháng này thì được bù với những tháng hụt khoán. Do vậy, nên điều chỉnh lại qui định này. Kết thúc kỳ ổn định thuế cơ quan thuế kiểm tra và xác định lại mức thuế ổn định cho kỳ tới và điều chỉnh tăng thuế nếu hộ có doanh số trong kỳ cao hơn mức thuế đã khoán.

Năm là, điều chỉnh qui định về thời hạn nộp thuế đối với hộ nộp thuế khoán. Để giảm tải tính thời vụ trong khâu nộp thuế nên điều chỉnh qui định nộp thuế hàng tháng đối với HKD ổn định thuế, khuyến khích HKD đăng ký nộp thuế theo quý, 6 tháng hoặc cả năm. Như vậy, vừa giảm phiền hà, tốn kém chi phí đi lại, chờ đợi cho HKD vừa giảm khối lượng công việc theo dõi, đôn đốc thu nộp của ngành thuế và các cơ quan liên quan.

3.3.3. Thay đổi cơ chế QLT đối với HKD chuyển sang QLT theo chức năng

QLT hướng vào các nhóm đối tượng với mức độ tuân thủ khác nhau, giảm gánh nặng QLT đặc biệt có ý nghĩa đối với nhóm đối tượng có số lượng đông và tăng trưởng nhanh như HKD. Thay đổi cơ chế QLT đối với HKD để phù hợp với xu hướng QLT hiện đại từ đó giảm nhân lực QLT ở khu vực này vừa đảm bảo mục tiêu thu NSNN với tiêu chí “thu đúng, thu đủ, thu kịp thời” trong điều kiện giảm đến mức thấp nhất chi phí QLT.

Một là, phân loại HKD theo mức độ tuân thủ thuế để thực hiện các chức năng QLT một cách có chọn lọc đối với từng nhóm hộ có mức độ chấp hành nghĩa vụ thuế khác nhau từ đó nâng cao hiệu quả các chức năng QLT. Dành nhiều thời gian, nhân lực cho những HKD có ý thức tuân thủ kém, tập trung cho công tác kiểm tra và cưỡng chế thu nợ thuế.

Hai là, cải tiến Quy trình QLT đối với HKD. Hướng đến HKD tự khai, tự nộp thuế, thực hiện các dịch vụ tại bộ phận “một cửa”. Chuyển

công việc thu thuế của cán bộ đội thuế phường xã thành việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát là chủ yếu. Việc lập bộ thuế, thông báo thuế, giải quyết miễn, giảm thuế vẫn do cơ quan thuế thực hiện nhưng trên cơ sở ý kiến tham gia của Hội đồng tư vấn thuế.

Ba là, hướng đến nâng cao ý thức tuân thủ thuế của HKD, không thực hiện UNT đối với HKD mà thúc đẩy việc HKD tự nộp thuế qua hệ thống ngân hàng hoặc qua các tổ chức dịch vụ thuế mà HKD tự lựa chọn và trả chi phí cho việc nộp thuế của mình.

KẾT LUẬN

Hộ kinh doanh cá thể có tiềm năng to lớn và vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Nhờ quan điểm đúng đắn về phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng và nhà nước HKD có điều kiện thuận lợi để phát triển. Với đặc điểm, tập quán và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thời gian tới HKD sẽ tiếp tục tồn tại, phát triển và là một thành phần không thể thiếu của nền kinh tế. HKD phát triển là một nhân tố thúc đẩy SXKD, kích thích cạnh tranh đối với các thành phần kinh tế khác bên cạnh đó HKD còn mang tính tính xã hội sâu sắc như giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần cải thiện mức sống, ổn định kinh tế - xã hội và đóng góp số thu ngày càng tăng cho NSNN. Song cùng với những mặt tích cực, HKD phát triển cũng tạo ra những vấn đề kinh tế - xã hội cần phải giải quyết. Một trong những vấn đề đó là tình trạng phát triển tự phát, thất thu về thuế tạo sức ép cho công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là quản lý thuế.

Hoàn thiện QLT đối với HKD dựa trên quan điểm HKD là khách hàng, tiếp cận theo các nội dung QLT hướng vào những yếu tố thuộc đặc điểm tuân thủ thuế với kỳ vọng tăng cường tính tuân thủ tự nguyện, từ đó giảm nguồn lực, chi phí QLT đặc biệt có ý nghĩa đối với nhóm đối tượng có số lượng đông đảo và tăng trưởng nhanh như HKD. Nghiên cứu đề tài "Hoàn thiện công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh Quảng Nam", tác giả hy vọng hệ thống những nghiên cứu về HKD, phân tích thực trạng QLT đối với HKD trên địa bàn tỉnh Quảng

Nam và đóng góp những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả QLT đối với HKD. Do hạn chế về thời gian và phạm vi nghiên cứu luận văn mới nghiên cứu QLT đối với HKD trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, dựa trên cơ sở điều tra khảo sát chọn mẫu các HKD trên địa bàn thành phố Tam Kỳ. QLT đối với HKD cần tiếp tục hoàn thiện để phù hợp với xu hướng quản lý thuế hiện đại, nâng cao hiệu quả các chức năng quản lý thuế trên cơ sở tuân thủ thuế của HKD. Để các giải pháp QLT đối với HKD có hiệu quả cần tiến hành đồng bộ các giải pháp và quan trọng nhất là phải có sự phối hợp, hỗ trợ tích cực của địa phương, các ngành tạo điều kiện để ngành thuế hoàn thành nhiệm vụ công tác thuế, thực hiện thắng lợi chiến lược cải cách và hiện đại hoá hệ thống thuế góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế xã hội của địa phương./.